TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14-02-2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Cẩm Hồng;
2. Ông Lê Văn Phong;

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Võ Tuấn Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 471/2024/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mộng T, sinh năm 1984; địa chỉ: số A ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đinh Thị Bé M - Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T. (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2024, bản khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Mộng T trình bày:

Về hôn nhân, chị và anh Nguyễn Hoàng G tự nguyện tìm hiểu, chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre

vào ngày 13/8/2018. Thời gian đầu, chị và anh G chung sống rất hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm tới ai, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình được nữa và đã ly thân từ đó cho đến nay. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng G, chị không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng vợ, chồng.

Về con chung: Chị và anh G có 01 con chung là Nguyễn Trần Đan T1, sinh ngày 16/9/2019. Hiện con chung đang sống với chị, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Nguyễn Hoàng G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng G vắng mặt trong tất cả các lần Tòa án triệu tập, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Luật sư Đinh Thị Bé M là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Bà Trần Thị Mộng T tự nguyện tìm hiểu, chung sống vợ chồng với ông Nguyễn Hoàng G, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre vào năm 2018. Thời gian đầu, bà T và ông G chung sống rất hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn hạnh phúc gia đình và đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay tôi làm đơn này cho tôi xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ tranh chấp xin ly hôn giữa nguyên đơn bà Trần Thị Mộng T và bị đơn ông Nguyễn Hoàng G, đồng thời, tôi trình bày ý kiến như sau: Về hôn nhân, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Trần Thị Mộng T được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng G, Về con chung, bà T và ông G có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Đan T1, sinh ngày 16/9/2019; hiện cháu T1 đang sống với mẹ là bà Trần Thị Mộng T, bả T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng G cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung. không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 51, 53, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Mộng T. Về hôn nhân, chị T được ly hôn với anh G; chị T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng nên không xem xét giải quyết. Về con chung, chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Nguyễn Trần Đan T1, sinh ngày 16/9/2019; anh G không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Về tài sản chung, chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung, chị T trình bày không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án có quan hệ pháp luật là "ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Nguyễn Hoàng G đăng ký thường trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Mộng T cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Đinh Thị Bé M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Hoàng G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị Mộng T, anh Nguyễn Hoàng G và Luật sư Đinh Thị Bé M.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị Trần Thị Mộng T và anh Nguyễn Hoàng G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre và cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/8/2018. Do đó, hôn nhân của chị Trần Thị Mộng T và anh Nguyễn Hoàng G đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị Trần Thị Mộng T cho rằng, quá trình sống chung giữa chị và anh Nguyễn Hoàng G có hạnh phúc một thời gian, sau đó thì không còn hạnh phúc do có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và đã không

còn sống chung với nhau một khoảng thời gian nhưng không hàn gắn được tình cảm.

Đối với anh Nguyễn Hoàng G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử. Như vậy, có cơ sở xác định anh Nguyễn Hoàng G không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Trần Thị Mộng T. Qua kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thị Mộng T và anh Nguyễn Hoàng G, cho thấy lời trình bày của chị Trần Thị Mộng T về mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của chị Trần Thị Mộng T và anh Nguyễn Hoàng G là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Mộng T đối với anh Nguyễn Hoàng G. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, do chị Trần Thị Mộng T không yêu cầu và không ghi nhận được ý kiến của anh Nguyễn Hoàng G nên không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị Mộng T và anh Nguyễn Hoàng G có con chung là cháu Nguyễn Trần Đan T1, sinh ngày 16/9/2019. Con chung hiện đang sống chung với chị Trần Thị Mộng T và chị Trần Thị Mộng T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Thấy rằng, từ khi chị Trần Thị Mộng T và anh Nguyễn Hoàng G không còn sống chung thì chị Trần Thị Mộng T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trần Đan T1. Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Hoàng G không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con chung của chị Trần Thị Mộng T. Xét thấy, chị Trần Thị Mộng T có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dạy cháu Nguyễn Trần Đan T1 để cháu phát triển tốt về mọi mặt. Vì vậy, giao con chung là cháu Nguyễn Trần Đan T1 cho chị Trần Thị Mộng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp nhằm bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con chung. Chị Trần Thị Mộng T không yêu cầu anh Nguyễn Hoàng G cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Mộng T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, đối với anh Nguyễn Hoàng G không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Trần Thị Mộng T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, đối với anh Nguyễn Hoàng G không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Do yêu cầu ly hôn được chấp nhận nên chị Trần Thị Mộng T phải nộp án phí dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Mộng T đối với anh Nguyễn Hoàng G. Chị Trần Thị Mộng T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng G.

Chị Trần Thị Mộng T không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trần Đan T1, sinh ngày 16/9/2019 cho chị Trần Thị Mộng T được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Hoàng G không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị Mộng T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về chia tài sản chung: Chị Trần Thị Mộng T trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Hoàng G không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị Mộng T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Hoàng G không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006054 ngày 02/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, án phí đã nộp đủ.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND xã Hưng Phong, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hồ Văn Tú